

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CHO KỲ KẾ TOÁN NĂM TỪ NGÀY 02/01/2018 ĐẾN NGÀY 31/12/2018**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU**

**THANH LỄ - CTCP**

**(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo soát xét của Kiểm toán viên độc lập	5 – 6
3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán năm từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018	13 - 64

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty.

### KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) nguyên là Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số **1165/QĐ-TTg** ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng (theo quy định của/tại .....)

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

### Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

#### \* Trụ sở chính

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : [www.thalexim.vn](http://www.thalexim.vn)
- E-mail : [contact@thalexim.vn](mailto:contact@thalexim.vn)
- Mã số thuế : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

\* Hệ thống các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

### Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán 2018

Tổng Công ty đã thực hiện thành công quá trình Cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước, kể từ thời điểm ngày 02 tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động kinh doanh theo hình thức Công ty Cổ phần. Kỳ kế toán năm từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là niên độ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

#### *Hội đồng Quản trị*

- |    |     |                     |                            |
|----|-----|---------------------|----------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang     | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. | Bà  | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên                 |
| 3. | Bà  | Phạm Thị Kim Thành  | Thành viên                 |
| 4. | Ông | Lê Văn Tám          | Thành viên                 |
| 5. | Ông | Nguyễn Xuân Hoà     | Thành viên                 |
| 6. | Ông | Lê Trọng Hiếu       | Thành viên                 |
| 7. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng    | Thành viên                 |

#### *Ban Kiểm soát*

- |    |     |                     |            |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà  | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà  | Nguyễn Thuý Hằng    | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ          | Thành viên |

#### *Ban Tổng Giám đốc*

- |    |     |                     |  |
|----|-----|---------------------|--|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang     | Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty |
| 2. | Bà  | Phạm Thị Băng Trang | Phó Tổng Giám Đốc  |
| 3. | Bà  | Phạm Thị Kim Thành  | Phó Tổng Giám Đốc  |
| 4. | Ông | Huỳnh Xuân Phương   | Phó Tổng Giám đốc  |
| 5. | Ông | Trần Đình Giáp      | Phó Tổng Giám đốc  |
| 6. | Ông | Đặng Văn Đoàn       | Phó Tổng Giám đốc  |

Kế toán trưởng Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán này.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 07 đến trang 64.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu;
- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang**

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 08 tháng 4 năm 2019

Số: 53/2019/BCTC-NTV.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP kèm theo, được lập ngày 08 tháng 4 năm 2019, từ trang 07 đến trang 64, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lê - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**  
**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**



---

**Giám đốc – Võ Công Tuấn**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số : 0486-2018-124-1

---

**Kiểm toán viên – Lê Hồng Long**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số : 0786-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.032.827.705.249</b>	<b>7.330.376.697.208</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>1.548.434.471.281</b>	<b>2.806.740.284.491</b>
111	1. Tiền		269.372.451.281	2.324.310.284.491
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.279.062.020.000	482.430.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>390.542.000.000</b>	<b>410.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	390.542.000.000	410.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.258.607.554.655</b>	<b>1.967.258.693.605</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.893.681.841.262	1.214.122.140.343
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	651.257.835.549	175.475.606.914
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	-	419.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	723.058.633.753	158.660.946.348
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(9.390.755.909)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.807.809.153.357</b>	<b>2.045.450.554.690</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.8	1.807.809.153.357	2.045.450.554.690
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>27.434.525.956</b>	<b>100.927.164.422</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	3.820.565.563	8.839.641.485
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	22.556.913.246	56.640.945.659
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	1.057.047.147	35.446.577.278
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.712.846.832.015</b>	<b>2.677.987.932.326</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>84.404.351.321</b>	<b>159.450.000.170</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	49.834.976.581	121.204.625.430
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	14.135.374.740	14.135.374.740
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.14	20.434.000.000	24.110.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.038.012.487.821</b>	<b>1.064.248.277.019</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	778.155.041.332	802.504.563.007
222	- Nguyên giá		1.473.607.924.609	1.414.299.078.217
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(695.452.883.277)	(611.794.515.210)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.16	259.857.446.489	261.743.714.012
228	- Nguyên giá		327.879.337.168	322.464.178.627
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.021.890.679)	(60.720.464.615)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.17	<b>221.185.769.901</b>	<b>239.970.717.517</b>
231	- Nguyên giá		248.439.888.143	266.718.601.769
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.254.118.242)	(26.747.884.252)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.014.885.593.304</b>	<b>876.067.225.543</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.18	11.027.418.980	7.487.800.193
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	1.003.858.174.324	868.579.425.350

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>322.958.440.898</b>	<b>298.211.308.300</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.20	-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.21	322.958.440.898	282.263.302.056
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.22	-	15.948.006.244
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>31.400.188.770</b>	<b>40.040.403.777</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.23	31.351.188.770	40.040.403.777
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.24	49.000.000	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.745.674.537.264</b>	<b>10.008.364.629.534</b>

103-C.1  
 HH  
 N  
 VIỆT  
 H  
 HỒ  
 H  
 HI MINH



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.218.265.476.405</b>	<b>7.575.877.466.006</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.795.812.974.716</b>	<b>6.884.986.160.459</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.25	924.669.703.472	1.162.797.029.215
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.26	5.992.385.990	23.364.499.772
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.27	2.194.804.534.767	1.855.195.426.858
314	4. Phải trả người lao động	V.28	14.642.903.665	38.998.568.271
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.29	4.254.280.357	20.375.423.294
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.30	-	401.173.021
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.31	117.639.678.179	75.425.189.476
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.32	3.382.198.139.541	3.488.154.079.212
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.33	33.499.855.395	60.952.719.114
323	10. Quỹ bình ổn giá	V.34	118.111.493.350	159.322.052.226
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>422.452.501.689</b>	<b>690.891.305.547</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	473.064.123
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.35	16.100.000.000	21.820.000.000
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.36	304.418.215.907	411.550.098.649
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.37	79.915.285.782	86.800.171.035
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.38	22.019.000.000	170.247.971.740
<b>400</b>	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.527.409.060.859</b>	<b>2.432.487.163.528</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.39	<b>2.527.409.060.859</b>	<b>2.432.487.163.528</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.39.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	V.39.2	-	(16.905.850)
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.39.3	(25.242.423.594)	(26.164.561.757)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.39.4	99.170.285	99.170.285
421	5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.39.5	146.932.630.506	30.576.319.530
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.094.241.291	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		119.838.389.215	30.576.319.530
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.39.6	39.619.683.662	61.993.141.320
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.745.674.537.264</b>	<b>10.008.364.629.534</b>

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 08 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.40	14.443.003.244.335	8.343.108.866.250
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.40	14.443.003.244.335	8.343.108.866.250
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.41	13.826.595.928.604	7.894.132.740.436
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		616.407.315.731	448.976.125.814
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.42	86.406.106.086	126.448.855.223
22	7. Chi phí tài chính	VI.43	218.888.887.397	111.225.509.622
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		169.230.789.409	110.167.214.593
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.44	37.319.588.762	15.409.628.883
25	9. Chi phí bán hàng	VI.45	257.249.019.967	248.379.215.159
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.46	100.949.756.976	80.624.874.205
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		163.045.346.239	150.605.010.934
31	12. Thu nhập khác	VI.47	4.500.511.007	9.977.400.926
32	13. Chi phí khác	VI.48	3.504.786.521	3.288.212.689
40	14. Lợi nhuận khác		995.724.486	6.689.188.237
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		164.041.070.725	157.294.199.171
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.49	35.762.308.951	26.836.162.238
52	17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.50	(49.000.000)	338.403.837
60	18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		128.327.761.774	130.119.633.096
61	19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		119.838.389.215	125.897.974.049
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.51	8.489.372.559	4.221.659.047
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.52	507	

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 08 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>164.041.070.725</b>	<b>157.294.199.171</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		113.649.244.681	147.997.042.625
03	- Các khoản dự phòng		9.390.755.909	(8.193.715.472)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(83.470.800.520)	(93.951.943.398)
06	- Chi phí lãi vay		169.230.789.409	105.772.289.271
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(41.210.558.876)	74.058.472.380
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>331.630.501.328</b>	<b>382.976.344.577</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.672.312.513.581)	(637.294.566.997)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		234.101.782.546	(573.612.206.827)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		53.433.524.654	1.740.293.160.841
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		13.708.290.929	(30.032.199.214)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(262.752.663.684)	(112.756.442.036)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.388.614.925)	(5.867.725.917)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.856.274.724	976.206.109.734
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(115.382.586.830)	(325.990.240.938)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.446.106.004.839)</b>	<b>1.413.922.233.223</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(107.864.148.826)	(147.789.496.476)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.287.430.000.000)	(8.307.400.000.000)
24	4. Tiền thu-hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.977.888.000.000	7.481.704.262.500
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(430.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		83.456.398.366	181.210.410.572
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>666.050.249.540</b>	<b>(792.704.823.404)</b>

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		11.784.297.379.888	8.457.960.569.435
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(12.252.323.926.660)	(7.208.163.628.367)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.223.511.139)	(53.363.138.026)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(478.250.057.911)</b>	<b>1.196.433.803.042</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(1.258.305.813.210)</b>	<b>1.817.651.212.861</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	2.806.740.284.491	989.089.071.630
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>1.548.434.471.281</b>	<b>2.806.740.284.491</b>

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 08 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Huyền Phương

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ hoạt động kinh doanh theo hình thức Công ty Cổ phần

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

#### **Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm**

Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

#### **Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các Chi nhánh, Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty bao gồm :



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**❖ Các Chi nhánh, Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty**

Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Hoạt động chính
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và Cho thuê văn phòng
2. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Kinh doanh xăng dầu
3. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.	Kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh xăng dầu
5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vui chơi, ăn uống, cho thuê hội trường,...
7. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn
8. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
9. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
10. Ban Quản lý KCN Bình Đường - Sóng Thần I	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
11. Hệ thống 13 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu
12. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh Vật liệu xây dựng



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

❖ **Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	<b>Vốn đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu của TCT</b>
<b>❖ Công ty con</b>				
1.	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp 3700785510	8.188.380.782 56,84%
2.	Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng; Vận tải xăng dầu; Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp 3700817346	45.302.676.635 57,97%
3.	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp 3700828316	24.000.000.000 80,00%
4.	Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Lắp đặt hệ thống điện; cấp, thoát nước; Thu gom xử lý rác thải...	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp 3700144108	43.738.905.964 100%
5.	Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn SP nhiên liệu ...	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: thuế 3702525028	15.000.000.000 100%
<b>❖ Công ty liên kết</b>				
6.	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp 3701815415	37.937.734.355 35,02%
7.	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất VLXD	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp 3700148529	256.458.010.136 25,00%



# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

## Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

- ❖ Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán này của Tổng Công ty TMXNK Thanh Lễ - CTCP (từ ngày 02/01/2018 đến 31/12/2018) không cùng kỳ so sánh với Báo cáo tài chính kỳ trước của Tổng Công ty TMXNK Thanh Lễ - TNHH MTV (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2018), do Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là "Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là "Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

### Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

102038  
CÔNG  
KIẾ  
HÂN  
-CHI  
TẠI TH  
HỒ G  
2-TR

# TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

Số liệu các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty

482-0  
CÔNG TY TNHH  
M TOÁN  
TÂM  
NHÂN  
ẢNH P  
HÍ MIP  
HỒ C



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

### 6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<b><u>Nhóm Tài sản cố định</u></b>	<b><u>Số năm</u></b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
- Tài sản cố định khác	05 – 10

### **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

QSDĐ có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận QSDĐ. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định, được ghi nhận theo nguyên giá và không tính khấu hao



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các nhóm Bất động sản đầu tư như sau:

<u>Bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45
- Nhà cửa vật kiến trúc	50



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

### 9. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

### 10. Lợi thế thương mại và Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.

102036  
CÔNG  
KIỂM  
HÃN  
-CHI  
TẠI TH  
HỒ G  
2-TR

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.

Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

### 11. Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

482-  
3TYT  
M TO  
TAM  
NHAI  
ANH  
HI MI  
HO



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

### 14. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...)

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### 15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá (dịch vụ), tài sản cho người mua sử dụng.

*(Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp : Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm (TSCĐ, BĐSĐT); Tiền lãi nhận trước của khoản cho vay vốn; Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay; Kể cả khoản tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu, giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống là phần nghĩa vụ mà người bán sẽ phải thực hiện trong tương lai...)*

Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu (bán hàng/cung cấp dịch vụ/ tài chính) của các kỳ kế toán sau

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

#### **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

### Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và phù hợp với các quy định hiện hành.

### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

## 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

### ❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng của Tổng Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

### ❖ **Doanh thu hợp đồng xây dựng (HĐXD)**

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

- a. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện HĐXD được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- b. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

### ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 18. **Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

### 19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu này phản ánh lãi cơ bản trên cổ phiếu, chưa tính đến các công cụ được phát hành trong tương lai có khả năng pha loãng giá trị cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán (mẫu số).

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	ĐVT: VND	
	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	17.300.282.080	25.514.120.694
- Tiền gửi ngân hàng	252.072.169.201	2.298.796.163.797
- Các khoản tương đương tiền [*]	1.279.062.020.000	482.430.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.548.434.471.281</b>	<b>2.806.740.284.491</b>
<i>Trong đó</i>		
+ Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ	USD 1,009.57	USD 1,473,44
<b>[*]</b> Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP.		
<b>2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>390.542.000.000</b>	<b>410.000.000.000</b>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	578.404.238.980	-
- Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S (*)	475.043.512.504	255.526.683.342
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	375.198.376.084	170.132.785.901
- Công ty TNHH Thương Mại Hồ Bửu	22.094.222.000	27.972.353.000
- Công ty TNHH Huy Hồng	16.241.438.283	19.689.192.083
- Công ty TNHH Xăng Dầu Huy Hoàng	9.202.168.600	8.421.065.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	7.611.930.000	3.506.332.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Phú Sang	7.285.051.550	19.546.688.950
- Công ty TNHH Xăng dầu 77	6.606.638.600	1.521.276.200
- Công ty TNHH TMDV TH Hoà Khánh	6.122.161.683	20.882.888.966
- Công ty CP CK NH Công Thương VN - CN TP.HCM	-	264.000.000.000
- Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng	-	29.613.912.725
- Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương	-	19.856.827.041
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	279.557.780.000	186.910.120.000
- Phòng tài nguyên môi trường TP. Thủ Dầu Một	11.440.000.000	-
- Phòng Quản lý đô thị TP. Thủ Dầu Một	6.072.000.000	15.981.647.000
- Các đối tượng khác	92.802.322.978	170.560.368.135
<b>Cộng</b>	<b>1.893.681.841.262</b>	<b>1.214.122.140.343</b>

(\*) Khoản phải thu bên liên quan

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Ngày 31/12/2018</b>	<b>Ngày 02/01/2018</b>
- Nguyễn Thành Nhân	467.717.800.000	-
- Hợp Tác Xã Vĩnh Hưng	73.931.097.182	1.373.112.480
- Nguyễn Thanh Sơn	24.698.400.000	24.698.400.000
- Đỗ Thị Thu	20.812.433.250	19.283.183.250
- Công ty Cổ phần TM Tổng Hợp Thuận An	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và DV Vĩnh Hưng Phát	7.690.000.000	-
- Trần Hiếu	7.077.342.000	7.077.342.000
- Nguyễn Văn Thanh	7.009.100.000	7.009.100.000
- Công ty Cổ phần Miền Đông Nam Bộ	5.148.000.000	5.148.000.000
- Công ty TNHH Phát triển KHCN Tiên Tiến	4.780.645.765	4.780.645.765
- Huỳnh Văn Sang	2.944.896.800	2.944.896.800
- Công ty TNHH Kỹ thuật và TM Không Gian Mới - SPACETECH	1.772.072.408	1.962.053.408
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật IAS	1.448.972.871	1.448.972.871
- Nguyễn Thị Cúc	1.020.000.000	1.020.000.000
- Lê Ngọc Dung	1.014.907.000	1.014.907.000
- Trung tâm Phát triển Quỹ Đất Huyện Phú Giáo	84.583.000	4.313.547.000
- Công ty TNHH Toàn Lực	-	19.321.300.000
- Các đối tượng khác	9.393.562.542	18.584.929.247
<b>Cộng</b>	<b>651.257.835.549</b>	<b>175.475.606.914</b>





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

5. Phải thu cho vay ngắn hạn - 419.000.000.000

Số đầu kỳ là khoản tiền cho Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Thịnh vay theo hợp đồng số 01/HĐVV/TL-HT ngày 04/12/2017. Thời hạn cho vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay là 0,50%/tháng.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Tạm ứng	147.915.217.909	86.296.812.209
- Ký cược, ký quỹ	-	3.945.006.820
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt xăng dầu nhập khẩu	41.544.103.829	12.276.424.189
- Công ty TNHH SX VLXD Hưng Thịnh	20.222.766.578	479.333.333
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Bình Dương	1.405.130.730	3.592.974.493
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – CN Trung tâm Kinh Doanh – HN	-	1.739.166.667
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN – CN Hồ Chí Minh	-	19.899.927.777
- Phải thu khác	511.971.414.707	30.431.300.860
<b>Cộng</b>	<b>723.058.633.753</b>	<b>158.660.946.348</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Ngày 31/12/2018		Ngày 02/01/2018	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Nguyệt	2.897.012.000	2.897.012.000	2.897.012.000	-
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	1.446.839.586	1.446.839.586	-
- Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	1.177.940.000	1.226.440.000	-
- Daewoo International Corporation	1.055.379.071	1.055.379.071	1.055.379.071	-
- CN – Công ty TNHH Thanh Lễ (Trạm XD Thanh Lễ)	768.945.906	768.945.906	768.945.906	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dầu Khí VHS	932.746.700	466.373.350	932.746.700	-
- CN Công ty TNHH TM Hùng Trường – Trạm XD Lam Hiền	266.762.600	266.762.600	266.762.600	-
- CN Công ty TNHH Phúc Gia Khang	340.000.000	170.000.000	340.000.000	-
- DNTN Trạm XD Thanh An Phát	161.397.200	161.397.200	161.397.200	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Như Ý	155.501.800	155.501.800	155.501.800	-
- DNTN Trạm Xăng Dầu Ngọc Xuân	300.851.168	150.425.584	300.851.168	-
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	261.852.000	130.926.000	261.852.000	-
- Công ty CP CT Giao thông 68	124.800.000	124.800.000	124.800.000	-
- Công ty TNHH TM – XNK Sản Xuất Hưng Thái	237.723.107	118.861.554	237.723.107	-
- DNTN Thương Mại Vân Anh	229.400.602	114.700.301	229.400.602	-
- Công ty TNHH Dệt May Thế Hòa	199.668.331	99.834.165	199.668.331	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Xây dựng Tấn Hoàng	170.113.583	85.056.792	170.113.583	-
<b>Cộng</b>	<b>10.726.933.654</b>	<b>9.390.755.909</b>	<b>10.775.433.654</b>	<b>-</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**8. Hàng tồn kho**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Hàng mua đang đi đường	-	42.052.520.000
- Nguyên liệu, vật liệu	258.002.504.888	13.403.119.640
- Công cụ, dụng cụ	26.900.000	634.335.732
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	15.184.679.909
+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của hoạt động xây dựng	-	-
+ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của hoạt động nông nghiệp	-	15.184.679.909
- Thành phẩm	755.728.874.255	590.829.710.341
+ Thành phẩm xăng dầu	133.979.676.798	-
+ Thành phẩm Bất động sản	621.689.193.439	590.525.104.553
+ Thành phẩm khác	60.004.018	304.605.788
- Hàng hoá	794.050.874.214	1.382.789.764.298
+ Hàng hóa (xăng dầu nhớt...)	568.845.648.856	1.327.957.746.491
+ Hàng hóa Bất động sản	38.984.645.632	44.399.804.173
+ Hàng hóa khác	186.220.579.726	10.432.213.634
- Hàng gửi bán	-	556.424.770
<b>Cộng</b>	<b>1.807.809.153.357</b>	<b>2.045.450.554.690</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Khoản mục	Ngày 02/01/2018	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công cụ dụng cụ	1.177.795.157	1.966.788.303	2.443.510.258	701.073.202
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	7.164.738.253	2.256.135.237	8.282.136.238	1.138.737.252
- Chi phí khác	497.108.075	4.302.524.764	2.818.877.730	1.980.755.109
<b>Cộng</b>	<b>8.839.641.485</b>	<b>8.525.448.304</b>	<b>13.544.524.226</b>	<b>3.820.565.563</b>

**10. Thuế GTGT được khấu trừ****22.556.913.246****56.640.945.659**

Khoản thuế GTGT còn được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ.

 3848  
 CÔNG TY  
 KIỂM T  
 TÀI  
 H NHÀ  
 THÀNH  
 CHỈ M  
 P HỒ

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	1.264.762.804
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.554.010.635
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	947.804.841
- Thuế Xuất, nhập khẩu	4.571	31.678.369.808
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.629.190	1.629.190
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.055.413.386	-
<b>Cộng</b>	<b>1.057.047.147</b>	<b>35.446.577.278</b>

**12. Phải thu dài hạn của khách hàng**

- Lê Hoài Nam	5.050.000.000	5.050.000.000
- Trần Thị Kim Phương	5.000.000.000	5.000.000.000
- Bùi Thị Diệu Hằng	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngô Thị Hồng Thoa	4.000.000.000	4.000.000.000
- Đồng Minh Tính	3.500.000.000	3.500.000.000
- Lê Thị Thủy	2.500.000.000	3.500.000.000
- Phạm Mai Thanh Thảo	2.500.000.000	2.500.000.000
- Nguyễn Phi Công	2.051.084.000	2.551.084.000
- Dương Triều Đại	2.000.000.000	5.000.000.000
- Phạm Mai Thùy Trang	2.000.000.000	4.500.000.000
- Công ty CP XD & DV Hàng hải S.T.S (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Phạm Thị Kim Thành	1.850.000.000	2.650.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc Thủy	1.000.000.000	3.000.000.000
- Nguyễn Văn Tấn	788.200.000	788.200.000
- Trương Thị Xuyên	597.379.000	1.190.986.000
- Bùi Văn Quyết	556.945.000	1.041.945.000
- Nguyễn Thế Hùng – Trần Thị Hồng Hạnh	544.272.000	544.272.000
- Lê Minh Tùng	500.000.000	5.000.000.000
- Nguyễn Văn Dũng	-	2.800.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	9.397.096.581	62.588.138.430
<b>Cộng</b>	<b>49.834.976.581</b>	<b>121.204.625.430</b>

(\*) Khoản phải thu bên liên quan



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

13. Trả trước cho người bán dài hạn	14.135.374.740	14.135.374.740
-------------------------------------	----------------	----------------

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

**14. Phải thu dài hạn khác**

- Đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu	380.000.000	480.000.000
- Đặt cọc để thực hiện dự án kho xăng dầu Cục Hậu cần Quân khu 7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Nguyễn Văn Dũng (thuê vườn Cao su 33ha)	-	3.630.000.000
- Các đối tượng khác	54.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.434.000.000</b>	<b>24.110.000.000</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**15. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>								
- Ngày 02/01/2018		965.570.141.182	115.301.265.709	279.114.468.971	6.029.798.980	45.160.200.123	3.123.203.252	1.414.299.078.217
- Mua trong kỳ		1.097.280.000	4.445.620.459	22.345.616.725	152.000.000	-	50.000.000	28.090.517.184
- Đầu tư XDCB hoàn thành		78.911.183.962	27.209.376.523	49.609.560.286	-	-	-	155.730.120.771
- Thanh lý, nhượng bán		-	(100.000.000)	50.000.000	-	-	-	(50.000.000)
- Giảm khác		(71.701.496.618)	(2.842.629.429)	(4.276.064.144)	(29.750.000)	(45.160.200.123)	(451.651.249)	(124.461.791.563)
- Ngày 31/12/2018		<b>973.877.108.526</b>	<b>144.013.633.262</b>	<b>346.843.581.838</b>	<b>6.152.048.980</b>	-	<b>2.721.552.003</b>	<b>1.473.607.924.609</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>								
- Ngày 02/01/2018		417.800.683.224	47.519.985.011	138.500.969.104	3.428.488.881	1.980.383.648	2.564.005.342	611.794.515.210
- Khấu hao trong kỳ		66.444.687.528	13.735.318.667	23.691.325.115	603.083.465	-	182.906.159	104.657.320.934
- Thanh lý, nhượng bán		-	(29.166.659)	6.249.996	-	-	-	(22.916.663)
- Giảm khác		(14.869.850.184)	(593.879.463)	(3.101.864.372)	(25.685.248)	(1.980.383.648)	(404.373.289)	(20.976.036.204)
- Ngày 31/12/2018		<b>469.375.520.568</b>	<b>60.632.257.556</b>	<b>159.096.679.843</b>	<b>4.005.887.098</b>	-	<b>2.342.538.212</b>	<b>695.452.883.277</b>
<b>Giá trị còn lại</b>								
- Ngày 02/01/2018		547.769.457.958	67.781.280.698	140.613.499.867	2.601.310.099	43.179.816.475	559.197.910	802.504.563.007
- Ngày 31/12/2018		<b>504.501.587.958</b>	<b>83.381.375.706</b>	<b>187.746.901.995</b>	<b>2.146.161.882</b>	-	<b>379.013.791</b>	<b>778.155.041.332</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng</b>								
- Ngày 02/01/2018		1.939.724.039	579.556.359	26.052.168.678	459.320.690	-	1.271.427.888	30.302.197.654
- Ngày 31/12/2018		<b>3.496.003.520</b>	<b>5.830.888.077</b>	<b>29.642.901.405</b>	<b>1.139.160.690</b>	-	<b>1.159.704.003</b>	<b>41.268.657.695</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**16. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất lâu dài (a)	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Giấy phép xả nước thải (b)	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Ngày 02/01/2018		4.832.818.182	317.282.378.626	318.181.819	30.800.000	322.464.178.627
- Tăng trong kỳ		-	5.415.158.541	-	-	5.415.158.541
- Ngày 31/12/2018		<b>4.832.818.182</b>	<b>322.697.537.167</b>	<b>318.181.819</b>	<b>30.800.000</b>	<b>327.879.337.168</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
- Ngày 02/01/2018		-	60.586.255.530	103.409.085	30.800.000	60.720.464.615
- Khấu hao trong kỳ		-	7.269.609.468	31.816.596	-	7.301.426.064
- Ngày 31/12/2018		-	<b>67.855.864.998</b>	<b>135.225.681</b>	<b>30.800.000</b>	<b>68.021.890.679</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Ngày 02/01/2018		4.832.818.182	256.696.123.096	214.772.734	-	261.743.714.012
- Ngày 31/12/2018		<b>4.832.818.182</b>	<b>254.841.672.169</b>	<b>182.956.138</b>	-	<b>259.857.446.489</b>

(a) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Cửa hàng xăng dầu số 7.

(b) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**17. Bất động sản đầu tư**

Chi tiêu	Nhóm BĐS	Quyền sử dụng đất lâu dài [a]	Quyền sử dụng đất có thời hạn [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc [a]	Nhà xưởng và văn phòng cho thuê	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Ngày 02/01/2018		123.860.000.000	78.743.170.612	50.587.894.897	13.527.536.260	266.718.601.769
- Tăng trong kỳ		-	-	1.628.732.600	-	1.628.732.600
- Thanh lý trong kỳ		-	(19.907.446.226)	-	-	(19.907.446.226)
- Ngày 31/12/2018		<b>123.860.000.000</b>	<b>58.835.724.386</b>	<b>52.216.627.497</b>	<b>13.527.536.260</b>	<b>248.439.888.143</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
- Ngày 02/01/2018		-	13.369.144.640	6.108.668.039	7.270.071.573	26.747.884.252
- Khấu hao trong kỳ		-	1.749.852.396	1.590.318.756	877.773.264	4.217.944.416
- Thanh lý trong kỳ		-	(3.711.710.426)	-	-	(3.711.710.426)
- Ngày 31/12/2018		-	<b>11.407.286.610</b>	<b>7.698.986.795</b>	<b>8.147.844.837</b>	<b>27.254.118.242</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Ngày 02/01/2018		123.860.000.000	65.374.025.972	44.479.226.858	6.257.464.687	239.970.717.517
- Ngày 31/12/2018		<b>123.860.000.000</b>	<b>47.428.437.776</b>	<b>44.517.640.702</b>	<b>5.379.691.423</b>	<b>221.185.769.901</b>
<b>TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng</b>						
- Ngày 02/01/2018		-	-	-	348.802.766	348.802.766
- Ngày 31/12/2018		-	-	-	348.802.766	348.802.766

[a] Quyền sử dụng đất lâu dài và Tòa nhà cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

[b] Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

- Diện tích đất thuê tại ngày 02/01/2018	142.545,40	m <sup>2</sup>
- Diện tích đất chuyển nhượng	36.037,60	m <sup>2</sup>
- Diện tích đất thuê tại ngày 31/12/2018	106.507,80	m <sup>2</sup>
- Thời hạn sử dụng đất	45	năm (đến ngày 24/10/2054)

**18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản:

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ	35.781.900	
- Khu Nhà Thương mại Phú Thọ	1.368.211.956	854.992.448
- Khu Nhà Thương mại An Bình	9.623.425.124	6.632.807.745
<b>Cộng</b>	<b>11.027.418.980</b>	<b>7.487.800.193</b>

**19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình, dự án sau:

Công trình	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Dự án Khu kho cảng An Sơn	469.987.206.884	466.200.605.695
- Dự án Kho xăng dầu VK102	3.059.575.156	132.159.939.113
- Dự án mở rộng Khu Công viên Thanh Lễ	114.931.247.753	107.709.622.860
- Công trình Mỏ Đá	144.960.619.499	58.966.545.014
- Công trình Phụ	49.347.413.375	26.845.858.382
- Chuyển nhượng QSSĐ P Bình Thắng Dĩ An	18.503.820.000	18.503.820.000
- Chuyển nhượng đất khu Chánh Mỹ	17.808.113.439	17.808.113.439
- Khu Công nghiệp Bình Đường	-	945.540.525
- Khu xử lý chất thải rắn Tân Mỹ	899.802.310	885.436.818
- Khu công nghiệp Sóng Thần I	906.784.000	-
- Hệ thống Cửa hàng Xăng dầu Bình Phước	34.373.833.649	-
- Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	153.352.610	-
- Kho xăng dầu Phú Quốc	148.926.405.649	-
- Các công trình khác	-	38.553.943.504
<b>Cộng</b>	<b>1.003.858.174.324</b>	<b>868.579.425.350</b>

003-C  
 VHH  
 N  
 VIỆT  
 H  
 PHỐ  
 IH  
 HI M

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**20. Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào các Công ty con (theo dõi trên Báo cáo riêng) như sau:

Công ty	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	70.432.496.561
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	45.302.676.635
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	8.188.380.782
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	43.738.905.964
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>136.229.963.381</b>	<b>191.662.459.942</b>

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2018 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	66.088.039.787	57,97%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	13.500.000.000	56,84%
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	43.738.905.964	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>136.229.963.381</b>		





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**21: Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
21.1 Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	285.879.159.947	282.263.302.056
21.2 Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	37.079.280.951	-
<b>Cộng</b>	<b>322.958.440.898</b>	<b>282.263.302.056</b>

**21.1** Khoản đầu tư vào Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty nắm giữ **25.000.000** Cổ phiếu, chiếm **25%** Vốn điều lệ của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

**21.2** Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 05 tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty đã bán ra ngoài 3.206.509 Cổ phiếu AFC. Sau khi thoái vốn, Tổng Công ty nắm giữ **3.743.327** Cổ phiếu, chiếm **35,02%** Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. Do vậy từ thời điểm trên Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương trở thành Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Công ty	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cộng
<b>Giá gốc khoản đầu tư</b>			
- Ngày 02/01/2018	256.458.010.136	-	256.458.010.136
- Tăng trong kỳ		37.937.734.355	37.937.734.355
- Ngày 31/12/2018	<b>256.458.010.136</b>	<b>37.937.734.355</b>	<b>294.395.744.491</b>
<b>Lợi nhuận lũy kế tại Công ty liên kết</b>			
- Ngày 02/01/2018	25.805.291.920	-	25.805.291.920
- Lợi nhuận tại Công ty liên kết trong kỳ	36.937.086.595	382.502.167	37.319.588.762
- Nhận cổ tức trong kỳ	(30.000.000.000)	-	(30.000.000.000)
- Điều chỉnh khác	(3.321.228.704)	(1.240.955.571)	(4.562.184.275)
- Ngày 31/12/2018	<b>29.421.149.811</b>	<b>(858.453.404)</b>	<b>28.562.696.407</b>
<b>Giá trị thuần khoản đầu tư liên kết</b>			
- Ngày 02/01/2018	282.263.302.056	-	282.263.302.056
- Ngày 31/12/2018	<b>285.879.159.947</b>	<b>37.079.280.951</b>	<b>322.958.440.898</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**22. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 15.948.006.244**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D đã được chuyển sang hình thức đầu tư vào Công ty con sau khi đạt được thỏa thuận với các đối tác.

**23. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	Ngày 02/01/2018	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công cụ dụng cụ	4.589.262.477	1.272.047.070	2.396.681.194	3.464.628.353
- Phí giữ hộ xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018 [a]	3.909.087.573	6.101.308.943	2.603.004.244	7.407.392.272
- Tiền thuê đất Cửa hàng xăng dầu 24 (2.089,1 m <sup>2</sup> ) [b]	2.750.000.001	-	2.750.000.001	-
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	7.851.211.428	-	1.332.604.813	6.518.606.615
- Lợi thế kinh doanh [c]	20.940.842.298	-	6.980.280.768	13.960.561.530
<b>Cộng</b>	<b>40.040.403.777</b>	<b>7.373.356.013</b>	<b>16.062.571.020</b>	<b>31.351.188.770</b>

[a] Chi phí trả trước phí giữ hộ xăng dầu phải trả cho Kho xăng dầu VK 102, Cục Hậu Cần, Quân Khu 7 tại ấp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 3 Hợp đồng tiếp nhận, giữ hộ và bơm rót xăng dầu số VK102.CHC.QK7-Thanh Lễ ngày 09 tháng 07 năm 2012 phí giữ hộ xăng dầu một năm là 2.000.000.000 đồng/năm (chưa gồm 10% thuế VAT) trong suốt thời gian 07 năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018).

[b] Chi phí trả trước tiền thuê khu đất xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu số 24. Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 24 tháng 08 năm 2011 Tổng Công ty thuê lại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 4AB.7 tại Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương trong thời hạn 20 năm, kể từ ngày bàn giao đất. Đơn giá thuê 20.000.000 đồng/tháng, tiền thuê đất cho 20 năm là 4.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

[c] Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty. Tổng Công ty phân bổ lợi thế thương mại trong thời gian 3 năm.

**24. Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 49.000.000 -**

Khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại là khoản tiền phải nộp 1% trên số tiền ứng trước theo tiến độ để mua bất động sản.





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**25. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Ngày 31/12/2018</u>	<u>Ngày 02/01/2018</u>
- Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	343.364.195.401	641.521.672.944
- Chi nhánh Phân Phối Sản Phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn – Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	272.083.108.878	-
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	71.246.431.922	-
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	22.024.200.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	2.142.000.000	-
- Công ty TNHH Toàn Lực	1.807.528.435	-
- Soleum Energy PTE LTD	-	380.774.189.222
- Petrolimex Singapore PTE LTD	-	115.336.428.781
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu Khí Nam Sông Hậu	179.999.996.930	-
- Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương	12.558.167.864	7.636.391.058
- Công ty TNHH TMDV Thiện Sinh	4.348.656.000	-
- Công ty TNHH DV&TM Xây dựng Tựu Khánh	3.191.802.000	-
- Các đối tượng khác	11.903.616.042	17.528.347.210
<b>Cộng</b>	<b><u>924.669.703.472</u></b>	<b><u>1.162.797.029.215</u></b>

(\*) Khoản phải trả cho các bên liên quan

38482-  
NGTYT  
EM TO  
I TÂM  
INH AN  
HÀNH  
CHÍ MI  
P HỒ

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**26. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Công ty Cổ phần Sung Hyun Vina	3.333.440.500	-
- Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Phương Anh	608.108.642	-
- Vãng lai công viên	370.000.000	586.000.000
- Công ty TNHH Xăng Dầu Phú Lợi	351.000.000	-
- Công ty TNHH Nhật Đông	266.540.600	266.540.600
- Vãng lai TTHNNHKS Gold Star	166.000.000	104.000.000
- DNTN Trạm Kinh Doanh Xăng Dầu Phú An	126.434.800	311.516.900
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Hà Nam	76.742.396	-
- Phạm Công Minh	50.876.000	-
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương	40.694.180	50.000.000
- DNTN TM Dịch vụ Xăng dầu Thanh Bình	40.146.000	40.146.000
- Công ty TNHH Thương mại Thành Phát	4.174.800	224.153.600
- Cheng Hsiu Min	-	11.441.925.000
- Phòng QLĐT TP. Thủ Dầu Một	-	9.864.729.600
- Các đối tượng khác	558.228.072	475.488.072
<b>Cộng</b>	<b>5.992.385.990</b>	<b>23.364.499.772</b>

003-C.T.  
NH  
VN  
VIỆT  
NH  
PHỐ  
NH  
CHÍ MINH



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 02/01/2018	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Thuế Giá trị gia tăng	2.619.555.880	141.292.833.823	138.236.054.660	5.676.335.043
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(1.554.010.635)	324.957.780.545	323.403.769.910	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	(307.464.993)	65.366.763.553	64.248.714.007	810.584.553
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	(31.678.369.808)	171.724.910.664	140.046.543.617	(2.761)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.763.762.257	35.758.539.400	31.338.614.925	23.183.686.732
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.146.206.891	2.486.180.330	3.504.668.951	127.718.270
- Thuế Tài nguyên	1.868.800	24.486.800	23.175.600	3.180.000
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	6.673.388.260	27.030.685.072	25.450.205.963	8.253.867.369
- Thuế Bảo vệ môi trường	94.544.371.170	1.240.778.212.350	1.242.772.640.580	92.549.942.940
- Phí, lệ phí	85.353.370	2.273.940.185	2.166.143.555	193.150.000
- Phải nộp CPH và Lợi nhuận DNN	1.729.454.188.388	367.551.896.274	34.057.059.188	2.062.949.025.474
<b>Cộng</b>	<b>1.819.748.849.580</b>	<b>2.379.246.228.996</b>	<b>2.005.247.590.956</b>	<b>2.193.747.487.620</b>
<i>Trong đó:</i>				
- <b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>1.855.195.426.858</b>			<b>2.194.804.534.767</b>
- <b>Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.11)</b>	<b>(35.446.577.278)</b>			<b>(1.057.047.147)</b>

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

### Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- \* Không chịu thuế : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất
- \* 5% : Nước sinh hoạt
- \* 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; cho thuê văn phòng, nhà xưởng...

### Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

### Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10% áp dụng cho mặt hàng Xăng nhập khẩu và 8% áp dụng cho mặt hàng Xăng E5 Ron 92.

### Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế Nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 165/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014: quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.
- Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018.

### Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

### Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

28. Phải trả người lao động 14.642.903.665 38.998.568.271

Tiền lương và các khoản mang tính chất lương còn phải trả cho người lao động.

**29. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Chi phí lãi vay	2.664.166.559	3.873.058.387
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí thi công	-	4.983.828.951
- Chi phí ăn ca	190.349.614	233.711.538
- Phí quản lý tòa nhà	986.400.000	10.870.960.234
- Chi phí khác	-	500.000
<b>Cộng</b>	<b>4.254.280.357</b>	<b>20.375.423.294</b>

**30. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Tiền thuê ngắn hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp:

- Ngày 02/01/2018	401.173.021
- Tăng trong kỳ	10.410.409.684
- Doanh thu đã thực hiện trong kỳ	(10.811.582.705)
- Ngày 31/12/2018	-

**31. Phải trả ngắn hạn khác**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Kinh phí công đoàn	710.336.153	932.262.270
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Khoản phải trả liên quan Khu TMDV DC Định Hòa	51.502.974.300	51.502.974.300
- Lãi tiền gửi từ tiền CPH	54.181.550.186	-
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất TX. Thuận An	25.002.372	-
- Thuế TNCN phải trả CNV	1.095.695.441	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.746.238.927	21.612.072.106
<b>Cộng</b>	<b>117.639.678.179</b>	<b>75.425.189.476</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTPC**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

<b>32. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>Ngày 02/01/2018</b>	<b>Vay trong kỳ</b>	<b>Trả nợ vay trong kỳ</b>	<b>Phân loại khoản vay/ Chênh lệch tỷ giá</b>	<b>Ngày 31/12/2018</b>
32.1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương	843.920.971.183	4.162.760.003.736	(3.767.981.372.174)	(125.140.779)	1.238.574.461.966
32.2 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bình Dương	1.287.003.203.968	3.859.873.910.159	(4.193.543.543.731)	1.344.417.197	954.677.987.593
32.3 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	485.610.388.505	699.550.534.857	(997.890.553.529)	-	187.270.369.833
32.4 Malaysian Banking Berhad - MayBank	199.858.579.497	807.394.125.461	(853.985.199.283)	205.353.308	153.472.858.983
32.5 Ngân hàng TMCP Quân đội	-	611.554.774.364	(611.554.774.364)	-	-
32.6 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	528.171.936.059	1.640.979.119.900	(1.447.017.972.168)	(96.222.625)	722.036.861.166
32.7 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Huyện Phú Giáo Bình Dương	7.400.000.000	-	(7.400.000.000)	-	-
32.8 Vay dài hạn đến hạn trả	136.189.000.000	-	(136.189.000.000)	126.165.600.000	126.165.600.000
<b>Cộng</b>	<b>3.488.154.079.212</b>	<b>11.782.112.468.477</b>	<b>(12.015.562.415.249)</b>	<b>127.494.007.101</b>	<b>3.382.198.139.541</b>



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**32.1 Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bình Dương** theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 006B18 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006K18 ngày 9 tháng 02 năm 2018. Các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức : 12 tháng kể từ ngày 31/01/2018
- Thời hạn vay : Tối đa 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**32.2 Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng số 18.0122/2018-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 10/09/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 10/09/2019
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**32.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2016- 00767 ngày 14/06/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 14/6/2019
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

003-C  
IHH  
N  
VIỆT  
H  
H  
H

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

### 32.4 Vay ngắn hạn của Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank) theo hợp đồng số HCMC-HN/LO/THALEXIM/2018/01 ngày 06/02/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 10.000.000 USD
- Mục đích vay :
  - L/C: Nhập khẩu và mua các nguyên vật liệu thô, hàng hoá/thành phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh
  - FEC: Dự phòng biến động ngoại tệ
- Lãi suất :
  - Thu tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm
  - Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

### 32.5 Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng số 8407.18.110.969666.TD ngày 26/03/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20,000,000.00 USD hoặc VND tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/10/2018
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2017-2018
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

### 32.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/83406/HĐTD ngày 03/07/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 800.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng vay
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**33. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Ngày 02/01/2018	Trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Quỹ khen thưởng	54.146.333.947	766.044.487		-(22.062.371.165)	32.850.007.269
- Quỹ phúc lợi	5.969.813.894	-	2.000.000	(5.624.064.902)	347.748.992
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành QL	836.571.273	-	-	(534.472.139)	302.099.134
<b>Cộng</b>	<b>60.952.719.114</b>	<b>766.044.487</b>	<b>2.000.000</b>	<b>(28.220.908.206)</b>	<b>33.499.855.395</b>

**34. Quỹ bình ổn giá**

Tình hình tăng, giảm Quỹ bình ổn giá xăng dầu trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Ngày 02/01/2018	Trích trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Quỹ bình ổn giá	156.354.745.770	243.545.140.300	285.988.886.750	113.910.999.320
- Lãi quỹ bình ổn giá	2.967.306.456	1.233.187.574	-	4.200.494.030
<b>Cộng</b>	<b>159.322.052.226</b>	<b>244.778.327.874</b>	<b>285.988.886.750</b>	<b>118.111.493.350</b>

**35. Người mua trả tiền trước dài hạn**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Đỗ Việt Cường	2.200.000.000	
- Dương Yến Nhi	900.000.000	-
- Huỳnh Song Ngọc Trinh	3.000.000.000	-
- Lê Minh Lý	1.000.000.000	-
- Nguyễn Thành Nhân	9.000.000.000	
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV BECAMEX	-	21.820.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.100.000.000</b>	<b>21.820.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**36. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Số tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:

- Ngày 02/01/2018	411.550.098.649
- Tăng trong kỳ	7.051.451.363
- Doanh thu đã thực hiện trong kỳ	(114.183.334.105)
- Ngày 31/12/2018	<b>304.418.215.907</b>

**37. Phải trả dài hạn khác**

	Ngày 31/12/2018	Ngày 02/01/2018
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.915.285.782	28.640.171.035
- Công ty CP Giang Nam Logistics (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	8.160.000.000
<b>Cộng</b>	<b>79.915.285.782</b>	<b>86.800.171.035</b>

(\*) Khoản tiền nhận hợp tác đầu với Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐ-GNL-2015 ngày 23/5/2015.

**38. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Ngày 02/01/2018	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại khoản vay/ Chênh lệch tỷ giá	Ngày 31/12/2018
<b>38.1</b> Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	120.641.100.000		- (103.990.600.000)	16.650.500.000
<b>38.2</b> Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	7.215.100.000		- (3.561.600.000)	3.653.500.000
<b>38.3</b> Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	15.355.000.000	(6.820.000.000)	(6.820.000.000)	1.715.000.000
<b>38.4</b> Quỹ Đầu tư và Phát triển Tỉnh Bình Dương	27.036.771.740		- (27.036.771.740)	-
<b>Cộng</b>	<b>170.247.971.740</b>	<b>(6.820.000.000)</b>	<b>(141.408.971.740)</b>	<b>22.019.000.000</b>

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**38.1 Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương** theo các Hợp đồng sau:

❖ **Hợp đồng vay số 14490121/2014/HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 23 tháng 12 năm 2014, cụ thể:**

- Hạn mức vay : **300.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn gồm: công trình bến, kè, kho, bãi, cầu cảng, công trình kỹ thuật, giao thông, cây xanh, công trình hành chính - dịch vụ - phụ trợ,... thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 14.49.0123/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất tạm định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 432.575.000.000 Đồng

Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản dưới đây:

- + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn
- + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm
- + Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến các tài sản nêu trên

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 14.49.0127/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 60.000.000.000 Đồng

- **Số dư 31/12/2018 : 49.250.000.000 Đồng**

**Trong đó**

- Vay dài hạn : 0 Đồng
- Nợ đến hạn trả : 49.250.000.000 Đồng

82-0  
TYTNI  
TOÁN  
GẤM V  
HÀNH  
NH PH  
MINI  
HỒ C



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

❖ **Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 16 tháng 3 năm 2015, cụ thể:**

- Hạn mức vay : **224.000.000.000 Đồng**
  - Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Mục đích vay : Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
  - Lãi suất : Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
  - Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kè và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn đê chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, cống, hàng rào, .... thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND  
  
Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND
  - **Số dư 31/12/2018: 83.184.500.000 Đồng**
- Trong đó**
- Vay dài hạn : 16.650.500.000 Đồng
  - Nợ đến hạn trả : 66.534.000.000 Đồng

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

❖ **Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LE ngày 16 tháng 3 năm 2015, cụ thể:**

- Hạn mức vay : **224.000.000.000 Đồng**
  - Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Mục đích vay : Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
  - Lãi suất : Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
  - Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kè và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn đê chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, cống, hàng rào, .... thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND  
  
Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND
  - **Số dư 31/12/2018 : 83.184.500.000 Đồng**
- Trong đó**
- Vay dài hạn : 16.650.500.000 Đồng
  - Nợ đến hạn trả : 66.534.000.000 Đồng



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

---

### 38.2 Khoản vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng sau:

❖ Hợp đồng tín dụng số HĐ số 01/2014/HĐTD ngày 08/7/2014 và Phụ lục ngày 31/12/2014 điều chỉnh Lịch trả nợ, các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 8.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư xây dựng trạm trung chuyển rác
- Lãi suất : Lãi suất 5%/năm, trả lãi hàng tháng
- Tài sản đảm bảo : Cam kết bảo lãnh của TCT Thanh Lễ

❖ Hợp đồng tín dụng số HĐ số 04/2016/HĐTD ngày 30/05/2016, các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 4.970.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

❖ Hợp đồng tín dụng 09/2017/HĐTD ngày 16/11/2017 và Phụ lục ngày 30/11/17 về Lịch trả nợ, các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 4.430.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Tài sản đảm bảo : Thư bảo lãnh vay vốn của BIDV (phong tỏa Tài khoản Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 4.430.000.000 Đồng)





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**38.3 Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng vay số 441.0035/2015/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 12 tháng 3 năm 2015, cụ thể:**

- Hạn mức vay : 30.700.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Mua tàu chở dầu Sông Châu 1 trọng tải 4,999T
- Lãi suất : 10,5% và được điều chỉnh theo từng kỳ
- Tài sản đảm bảo : Tàu chở dầu Song Chau 1 hình thành từ vốn vay. Giá trị tài sản đảm bảo: 38.412.000.000

Bảo lãnh trả nợ của Tổng công ty Thương mại XNK Thanh Lễ- CTCP. Trị giá 15.350.000.000 đồng

- Số dư 31/12/2018 : 8.535.000.000 Đồng

Trong đó:

- Vay dài hạn : 1.715.000.000 Đồng
- Nợ đến hạn trả : 6.820.000.000 Đồng

**39. Vốn chủ sở hữu**

	Chỉ tiêu	Ngày 02/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2018
39.1	Vốn đầu tư của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
39.2	Cổ phiếu quỹ	(16.905.850)	-	(16.905.850)	-
39.3	Chênh lệch đánh giá lại TS	(26.164.561.757)	-	(922.138.163)	(25.242.423.594)
39.4	Quỹ đầu tư phát triển	99.170.285	-	-	99.170.285
39.5	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	30.576.319.530	119.838.389.215	3.482.078.239	146.932.630.506
39.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	61.993.141.320	8.489.372.559	30.862.830.217	39.619.683.662
	<b>Cộng</b>	<b>2.432.487.163.528</b>	<b>128.327.761.774</b>	<b>33.405.864.443</b>	<b>2.527.409.060.859</b>

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

### 39.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Thông tin về cổ phiếu:

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã chào bán	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.600.000	Cổ phiếu

Chi tiết số cổ phiếu của các Cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 02/01/2018	Ngày 31/12/2018	Tỷ lệ
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	116.134.800	85.176.000	36,00%
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	37.856.000	37.856.000	16,00%
- Công ty TNHH Hải Linh	35.490.000	35.490.000	15,00%
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	34.422.600	34.422.600	14,55%
- Các cổ đông khác	12.696.600	43.655.400	18,45%
<b>Cộng</b>	<b>236.600.000</b>	<b>236.600.000</b>	<b>100,00%</b>

### 39.3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: "Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất".





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Ngày 02/01/2018	Phát sinh trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.726.907.566	11.998.398	17.738.905.964
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	-	515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848	-	6.988.136.848
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương (*)	934.136.561	(934.136.561)	-
<b>Cộng</b>	<b>26.164.561.757</b>	<b>(922.138.163)</b>	<b>25.242.423.594</b>

(\*) Tại ngày 05/01/2018, Tổng Công ty đã bán ra ngoài 3.206.509 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. Sau khi thoái vốn, Tổng Công ty nắm giữ **3.743.327 Cổ phiếu**, chiếm tỷ lệ 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương. Do vậy từ thời điểm trên Tổng Công ty không còn kiểm soát Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương nữa và Công ty trở thành Công ty liên kết được theo dõi tại khoản mục Đầu tư vào liên doanh, liên kết (thuyết minh số V.21).

**39.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)**

- LN năm trước chưa PP chuyển kỳ này	30.576.319.530
- Điều chỉnh lợi nhuận kỳ trước	(3.482.078.239)
- Lợi nhuận CPP kỳ trước chuyển kỳ này	27.094.241.291
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	<b>119.838.389.215</b>
- LN chưa PP lũy kế chuyển kỳ sau	<b>146.932.630.506</b>

**39.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Chỉ tiêu	Vốn góp	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
- Ngày 02/01/2018	60.918.270.000	(9.094.150)	75.311.628	1.008.653.842	61.993.141.320
- Tăng vốn trong kỳ	16.067.500.000	-	-	-	16.067.500.000
Lãi/ (lỗ) trong năm	-	-	-	8.489.372.559	8.489.372.559
- Thoái vốn các công ty con	(37.385.270.000)	9.094.150	-	429.315.115	(36.946.860.735)
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(9.983.469.482)	(9.983.469.482)
- Ngày 31/12/2018	<b>39.600.500.000</b>	-	<b>75.311.628</b>	<b>(56.127.966)</b>	<b>39.619.683.662</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

	ĐVT: VND	
	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
<b>40. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	12.352.922.831.241	7.842.942.183.723
- Doanh thu bán các thành phẩm	1.583.490.965.841	108.929.525.211
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	305.147.815.730	337.912.687.070
- Doanh thu kinh doanh BĐS	199.689.001.284	52.288.721.708
- Doanh thu khác	1.752.630.239	1.035.748.538
<b>Cộng</b>	<b>14.443.003.244.335</b>	<b>8.343.108.866.250</b>
<b>41. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.198.187.886.418	7.541.425.253.396
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.368.607.870.617	104.407.548.754
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	203.329.959.956	210.362.975.611
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	54.877.072.302	37.811.313.800
- Giá vốn khác	1.593.139.311	125.648.875
<b>Cộng</b>	<b>13.826.595.928.604</b>	<b>7.894.132.740.436</b>
<b>42. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	83.470.800.520	69.242.819.067
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	24.709.124.331
- Lãi chênh lệch tỷ giá	799.770.572	8.496.911.825
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.135.534.994	24.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.406.106.086</b>	<b>126.448.855.223</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**43. Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay	169.230.789.409	110.167.214.593
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	49.568.097.988	381.795.029
- Chi phí tài chính khác	90.000.000	676.500.000
<b>Cộng</b>	<b>218.888.887.397</b>	<b>111.225.509.622</b>

**44. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết**

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	36.937.086.595	15.409.628.883
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	382.502.167	-
<b>Cộng</b>	<b>37.319.588.762</b>	<b>15.409.628.883</b>

**45. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nhân viên bán hàng	71.295.176.122	67.485.530.091
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.482.957.140	2.535.751.411
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.846.567.553	3.148.489.457
- Chi phí khấu hao TSCĐ	31.851.821.626	21.841.378.295
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.198.848.090	71.065.757.588
- Chi phí bằng tiền khác	106.573.649.436	82.302.308.317
<b>Cộng</b>	<b>257.249.019.967</b>	<b>248.379.215.159</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**46. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí nhân viên quản lý	35.627.581.099	38.580.070.083
- Chi phí vật liệu quản lý	1.946.232.198	1.083.562.434
- Chi phí đồ dùng văn phòng	956.609.897	1.269.577.343
- Chi phí khấu hao TSCĐ	10.054.277.696	7.163.213.968
- Thuế, phí và lệ phí	83.476.846	54.319.281
- Chi phí dự phòng	9.712.750.154	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.405.354.752	9.852.974.569
- Chi phí bằng tiền khác	23.163.474.334	22.621.156.527
<b>Cộng</b>	<b>100.949.756.976</b>	<b>80.624.874.205</b>

**47. Thu nhập khác**

- Thu tiền điện, nước khách thuê	1.795.861.539	1.376.407.590
- Phí tàu già, phí lưu tàu, thu hoàn phí BH	117.938.504	420.875.000
- Thu hoàn nhập các khoản dự phòng	-	6.798.146.589
- Thu nhập khác	2.586.710.964	1.381.971.747
<b>Cộng</b>	<b>4.500.511.007</b>	<b>9.977.400.926</b>

**48. Chi phí khác**

- Tiền điện, nước sử dụng	1.696.766.336	1.037.632.955
- Các khoản tiền phạt	539.495.721	-
- Chi phí khác	1.268.524.464	2.250.579.734
<b>Cộng</b>	<b>3.504.786.521</b>	<b>3.288.212.689</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**49. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>164.041.070.725</b>
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	52.445.223.020
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	37.674.748.990
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>178.811.544.755</b>
- Thuế suất thuế TNDN	20%
- <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>35.762.308.951</b>

**50. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (49.000.000) -**

Khoản thuế thu nhập hoãn lại xác định theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ của khách hàng chuyển nhượng Bất động sản.

**51. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**

	Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 01/01/2018
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	(1.058.472.025)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	7.123.998.587	3.732.845.719
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	1.901.036.500	1.223.937.422
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(535.662.528)	323.347.931
	<b>8.489.372.559</b>	<b>4.221.659.047</b>

**52. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ kế toán năm 2018**

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	119.838.389.215
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	236.600.000
- <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>507</b>



# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty TNHH Hải Linh	Cổ đồng
- Công ty CP Xăng dầu DV hàng hải S.T.S	Cổ đồng

#### Giao dịch với các bên liên quan:

- Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong kỳ là: 3.362.500.000 Đồng.
- Các giao dịch với các Công ty con, Công ty liên kết và các Cổ đồng chiến lược như sau:

#### ❖ Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Ngày 02/01/2018	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	4.757.991.297	33.728.107.441	38.465.848.398	20.250.340
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	186.389.217.376	886.736.116.639	965.292.644.071	107.832.689.944
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	136.267.900	127.074.500	9.193.400
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	3.506.332.000	104.440.227.000	100.334.629.000	7.611.930.000
- Công ty TNHH Hải Linh	170.132.785.901	3.848.589.069.352	3.643.523.479.169	375.198.376.084
- Công ty CP Xăng dầu DV hàng hải S.T.S	255.526.683.342	548.798.254.901	329.281.425.739	475.043.512.504
<b>Cộng</b>	<b>620.313.009.916</b>	<b>5.422.428.043.233</b>	<b>5.077.025.100.877</b>	<b>965.715.952.272</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

❖ *Nợ phải thu lãi, cổ tức, cho vay và thu khác*

	Ngày 02/01/2018	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	2.730.987.953	258.178.634.947	3.330.987.953	257.578.634.947
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	2.352.429.659	432.650.791.712	177.697.550.339	257.305.671.032
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	14.142.291.613	-	-	14.142.291.613
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	345.285.000	-	345.285.000	-
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	9.172.427.607	-	-	9.172.427.607
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	37.887.121	210.000.000.000	210.000.000.000	37.887.121
- Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D	341.873.412	2.247.604.345	1.868.792.683	720.685.074
<b>Cộng</b>	<b>29.123.182.365</b>	<b>903.077.031.004</b>	<b>393.242.615.975</b>	<b>538.957.597.394</b>

❖ *Nợ phải trả về mua hàng và nhận dịch vụ cung cấp và phải trả khác:*

	Ngày 02/01/2018	Phải trả trong kỳ	Đã thanh toán/ giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	14.626.764.854	93.055.162.217	102.109.964.270	5.571.962.801
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	-	989.296.367.564	1.109.390.893.066	(120.094.525.502)
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	609.520.000	-	609.520.000	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	296.004.182	296.004.182	-
- Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Công ty TNHH Hải Linh	(1.606.822.269)	2.131.728.785.749	2.058.875.531.558	71.246.431.922
<b>Cộng</b>	<b>13.629.462.585</b>	<b>3.217.376.319.712</b>	<b>3.271.281.913.076</b>	<b>(40.276.130.779)</b>

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/12/2018

### 2. Thông tin so sánh

Số liệu của kỳ kế toán trước (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2018) được căn cứ vào Báo cáo Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP) ngày 28/12/2018 của Kiểm toán Nhà Nước khu vực IV.

### 3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2018

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2018 sau đây:

- Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài chính về Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân, Thuế Giá trị gia tăng...
- Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, có hiệu lực từ ngày 01/11/2018.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 08 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang